TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 29 - 01 - 2026
V/v tranh chấp "Ly hôn, chia tài sản chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các thẩm phán:

Bà Lê Thị Bích Tuyền;

Ông Trần Thanh Tòng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 62/2025/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp "Ly hôn, chia tài sản chung". Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 112/2025/HNGĐ-ST ngày 17/9/2025, của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2026/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967; nơi cư trú: Ấp A, xã A, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C: Luật sư Thái Hoàng D – Chi nhánh V luật sư Nguyễn Hòa B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; có mặt.

2. *Bị đơn:* ông Đào Văn Q, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp A, xã A, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; nơi cư trú: D Chung cư K T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Công ty Cổ phần P.

Địa chỉ: Q Ấp T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Vân A – Chức vụ Tổng giám đốc; vắng mặt.

3.2. Bản quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đ nay là Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực Đ.

Địa chỉ: Ô khu B, xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Viên chức Ban Q1; xin vắng mặt.

3.3. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An;

Người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Tây Ninh. Người đại diện theo pháp luật: Trần Văn Đ – chức vụ: Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Minh C1 – Phó trưởng phòng Kinh tế xã. (giấy ủy quyền số 1096/GUQ-CT ngày 21/8/2025); xin vắng mặt.

3.4. ông Đào Văn Đ1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp A, xã A, tỉnh Tây Ninh; xin vắng mặt.

4. *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị C là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị C trình bày:

Về hôn nhân: bà C và ông Đào Văn Q là vợ chồng hợp pháp, đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là xã A) ngày 27/8/2018. Thời gian đầu khi mới kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, bà C xin được ly hôn với ông Q.

Về con chung: bà C và ông Q có 03 người con chung tên là Đào Quê L, sinh ngày 01/01/1989; con Đào Mỹ Nhân và Đào Công T1, sinh cùng ngày 19/3/1991. Do các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng bà C ông Q có tạo lập được khối tài sản chung là các quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 289, tờ bản đồ số 6, diện tích: 5.152,5 m^2 và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 6, diện tích 429,9m^2, cùng tọa lạc tại xã A, huyện Đ, tỉnh Long An. Ông Đào Văn Q đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện hai thửa đất trên đang thuộc dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp L do Công ty cổ phần P làm chủ đầu tư. Hai thửa đất trên được đền bù với tổng số tiền là: 2.866.274.272 đồng. Bà C yêu cầu được nhận ½ giá trị đền bù tương đương với số tiền 1.433.137.136 đồng.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà C và luật sư cho rằng nguồn gốc tài sản do vợ chồng bà C, ông Q mua lại của bà M vào năm 1989.

Ông Đào Văn Q trình bày:

Ông Q thống nhất lời trình bày của bà C về thời gian chung sống với nhau từ tháng 5 năm 1987 và đăng ký kết hôn vào năm 2018. Cuộc sống vợ chồng khi sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là tánh tình không hợp, bất đồng ý kiến hay cãi vả. Cuộc sống vợ chồng luôn ngột ngạt, không còn khả năng hàn gắn. Ông Q xác định tình cảm vợ chồng không còn. Nay, bà C yêu cầu ly hôn với ông Q thì ông Q đồng ý ly hôn.

Về con chung: bà C, ông Q có 03 con chung tên Đào Quê L, sinh năm 1989; Đào Mỹ N, sinh năm 1991 và Đào Công T1, sinh năm 1991. Do các con đã trưởng thành nên khi ly hôn ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà C và ông Q không có tài sản chung. Nguồn gốc thửa đất số 289, tờ bản đồ số 6 diện tích 5.152,6 m^2 và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 6 diện tích 429,9 m^2 tọa lạc tại xã A, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã A, tỉnh Tây Ninh) là do cha mẹ ruột của ông Q là ông Đào Văn K và bà Hồ Thị C2 mua lại từ bà Võ Thị M (mẹ của ông N1) ngày 18/8/1989. Sau đó, cha mẹ ông Q tặng cho riêng ông Q. Ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2015.

Theo quyết định Số 6466/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 và quyết định số 5794/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND huyện Đ, ông Q được đền bù số tiền 2.483.806.694 đồng, ông Q chưa nhận tiền đền bù. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà C thì ông Q không đồng ý.

Về nợ chung: Vợ chồng bà C ông Q không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn Đ1 trình bày ý kiến tại bản tự khai ngày 16/9/2025 như sau:

Ông Đ1 có thuê 02 thửa đất số 289 và thửa số 46, cùng tờ bản đồ số 6 để làm ruộng, đất tọa lạc tại xã A, huyện Đ, tỉnh Long An, giá thuê 10.000.000 đồng/năm. Việc thuê đất không có làm hợp đồng thuê, không có thời hạn thuê. Nay, bà C, ông Q tranh chấp đất thì ông Đ1 không có ý kiến, không yêu cầu. Trường hợp Tòa án giao đất cho ai thì ông Đ1 sẽ giao đất lại cho người đó. Do bận công việc nên ông Đ1 xin vắng xét xử sơ thẩm, phúc thẩm. Đề nghị, Tòa án giao bản án cho ông Đ1 qua số zalo 0973 404 327.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần P vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bản quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đ nay là Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực Đ do ông Nguyễn Thanh T đại diện có đơn xin vắng mặt và cung cấp cho Tòa án:

1/ Quyết định số 5794/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi đất đối với ông Đào Văn Q, đất tọa lạc tại xã A, huyện Đ, tỉnh Long An có nội dung như sau:

Thu hồi đất đối với ông Đào Văn Q, tổng diện tích: 5.487,9m^2 đất tọa lạc tại xã A cụ thể như sau: thửa đất số 298, diện tích 5.064m^2 và thửa đất số 46, diện tích 423,9m^2 cùng tờ bản đồ số 6, loại đất LUC.

2/ Quyết định số 6466/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc bồi thường do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với Đào Văn Q có nội dung như sau:

Bồi thường đối với Đào Văn Q, số tiền: 2.483.806.694 (hai tỷ bốn trăm tám mươi ba triệu tám trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm chín mươi bốn) đồng. Trong đó: giá trị quyền sử dụng đất là 2.469.637.319 đồng và giá trị tài sản trên đất là 14.169.375 đồng.

3/ Quyết định số 3907/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc hỗ trợ bổ sung chính sách ổn định đời sống, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với Đào Văn Q.

Bồi thường đối với Đào Văn Q, số tiền 404.520.900 đồng.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 112/2025/HNGĐ-ST ngày 17/9/2025, của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh đã quyết định.

Căn cứ Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 33, Điều 38, Điều 43, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc Thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị C đối với bị đơn ông Đào Văn Q về việc tranh chấp "Ly hôn, chia tài sản chung".

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Đào Văn Q.

1.2. Về tài sản chung: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu chia tài sản chung.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/9/2025, bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo, không đồng ý bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu chia tài sản cho bà C ½ giá trị đền bù tương đương với số tiền 1.433.137.136 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà C trình bày: Bà C giữ yêu cầu kháng cáo nhưng có thay đổi một phần nội dung kháng cáo: xác định phần đất có diện tích thửa đất số 298, diện tích 5.064 m^2 và thửa đất số 46, diện tích 423,9 m^2

cùng tờ bản đồ số 6, loại đất LUC là đất của cha mẹ ông Q cho ông Q nhưng bà C có công sức gìn giữ, tôn tạo nên yêu cầu ông Q trích công sức cho bà C từ 30% đến 40% giá trị đất.

Đại diện ông Q trình bày: không đồng ý kháng cáo của bà C, diện tích đất được bồi thường là do cha mẹ ông Q mua cho riêng ông. Ông Q chỉ đồng ý cho bà C 20% giá trị bồi thường.

Luật sư trình bày: Bà C yêu cầu ông Q trích 25% giá trị đất được bồi thường hỗ trợ.

Đại diện ông Q trình bày: ông Q đồng ý trích cho bà C 20% là 577.665.558 đồng nhưng ông Q đồng ý giao cho bà C 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

Bà C trình bày: Bà đồng ý nhận 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) ông Q trích cho bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 112/2025/HNGĐ-ST ngày 17-9-2025, của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị C kháng cáo, trong thời hạn theo quy định tại Điều 271, Điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể:

[2.1] Ông Đào Văn Q đồng ý trích cho bà Nguyễn Thị C 20% giá trị đất được bồi thường hỗ trợ của khoản 2.888.327.794 đồng là 577.665.558 đồng nhưng đồng ý giao cho bà C 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

[2.2] Bà Nguyễn Thị C đồng ý nhận 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng từ ông Q trích giao cho bà.

[3] Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 (ba triệu) đồng. Bà C đã nộp tạm ứng, đã chi phí xong.

[6] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị C phải nộp án phí có giá ngạch là 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005810 và 27.500.000 (hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005811 cùng ngày 02/10/2024, của Chi cục T2 hánh án dân sự huyện Đ. Bà C còn phải nộp tiếp 500.000 (năm trăm nghìn) đồng. Ông Đào Văn Q không phải chịu tiền án phí.

[7] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0004913 ngày 23/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 148, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 33, Điều 38, Điều 43, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc Thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị C đối với ông Đào Văn Q về việc "Xin ly hôn, chia tài sản chung" tại phiên tòa phúc thẩm.

2. Sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 112/2025/HNGĐ-ST ngày 17/9/2025, của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh.

3. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Đào Văn Q.

3.2. Con chung: Có 03 con chung là Đào Quê L, sinh năm 1989; Đào Mỹ N, sinh năm 1991 và Đào Công T1, sinh năm 1991. Do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.3. Về tài sản chung: Ông Đào Văn Q có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thị C số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu

thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 (ba triệu) đồng, bà C đã nộp tạm ứng, đã chi phí xong.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị C phải nộp án phí có giá ngạch là 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005810 và 27.500.000 (hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005811 cùng ngày 02/10/2024 của Chi cục T2 hánh án dân sự huyện Đ. Bà C còn phải nộp tiếp 500.000 (năm trăm nghìn) đồng. Ông Q không phải nộp án phí.

6. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0004913 ngày 23/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND khu vực 3 - Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã An Ninh, tỉnh Tây Ninh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Hồng Vân